

Bản án số: 142/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Tú
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Nguyễn Minh Hùng
 - 2. Bà Vương Thị Liên
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân h Hoàng Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:* Không

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Tr. 1, xã Qu, huyện Q.X, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Tr, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã Hoàng P, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th (có đơn xin xét xử vắng mặt), vắng mặt bị đơn anh Trương Văn Tr không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2018, bản tự khai ngày 19/4/2018 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th thể hiện:

Tôi (Th) và anh Trương Văn Tr tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoàng P, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn tháng 7/2013. Vợ chồng tôi sống hòa thuận với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr không quan tâm đến gia đình mà thường xuyên chơi bời, bài bạc. Tôi đã khuyên nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 8/2014 cho đến nay,

không ai quan tâm đến ai. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho tôi xin được ly hôn với anh Tr.

Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Trương Thị Khánh A, sinh ngày 28/12/2015 và hiện tôi không có thai nghén gì. Nguyên vọng của tôi là được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Hiện tôi đang là công nhân công ty may Việt Nhật, mức thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng (Sáu triệu đồng).

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2018 và lời khai tại biên bản hòa giải của anh Trương Văn Tr thể hiện:

Tôi và cô Nguyễn Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau được UBND xã Hoàng P cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Vợ chồng sống hòa thuận với nhau được 02 năm thì mâu thuẫn và cô Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Tôi thấy vợ chồng chưa xảy ra va chạm và vẫn còn yêu vợ nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu cô Th cương quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng tôi có một con chung là cháu Trương Thị Khánh A, sinh ngày 28/12/2015, hiện đang ở với cô Th. Tôi đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cô Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện tôi là lao động tự do, thường đi biển, mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trương Văn Tr kết hôn với nhau vào tháng 7/2013 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau chỉ hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải nổi, vợ chồng sống ly thân đã gần 4 năm nay, không quan tâm gì đến nhau thể hiện tình cảm anh chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù tại phiên hòa giải ngày 03 tháng 5 năm 2018, anh Tr và chị Th đều đã thống nhất ly hôn nhưng tại phiên tòa vắng mặt anh Tr, không rõ ý kiến hiện tại của anh nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Vì vậy cần áp

dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2] Về con: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Trương Thị Khánh A, sinh ngày 28/12/2015, hiện đang ở với chị Th. Cả anh Tr và chị Th đều đề nghị được trực tiếp nuôi con, nhưng cháu Khánh A đang còn quá nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), từ bé đến nay sống với mẹ, chị Th cũng có công việc ổn định nên cần giao cháu Trương Thị Khánh A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét yêu cầu đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung của chị Th: Để đảm bảo cho cháu Khánh A có đầy đủ điều kiện để sinh hoạt, học hành cần có sự chu cấp của bố nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Th, buộc anh Tr phải cấp dưỡng nuôi cháu Trương Thị Khánh A, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

[3] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Tr có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và phiên hòa giải. Nhưng tại phiên tòa ngày 28/5/2018, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Tr vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nay căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Trương Văn Tr là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.
Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trương Văn Tr.

Về con: Công nhận cháu Trương Thị Khánh A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2015 là con chung của anh Trương Văn Tr và chị Nguyễn Thị Th. Giao cháu Trương Thị Khánh A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Trương Văn Tr có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Trương Văn Tr phải cấp dưỡng nuôi cháu Trương Thị Khánh A mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu Khánh A đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002571 ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Chị Th đã thi hành xong. Buộc anh Trương Văn Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn anh Trương Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã Hoằng *Phụ, Hoằng Hóa;*
- UBND xã Quảng Trạch, Quảng Xương;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

